

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2025

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05B/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: F Cổ Mân M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: ông Phạm Phú T, sinh năm 1984; Địa chỉ: F Cổ Mân M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

(Bà Nguyệt có mặt, ông T vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Phú T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu ông bà chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Phạm Phú T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định có 02 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 03/11/2012 và Phạm Phú Q, sinh ngày 01/11/2014. Ly hôn, nguyện vọng của bà là trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có.

* *Đối với bị đơn ông Phạm Phú T:* Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Phạm Phú T vẫn vắng mặt không có lý do và không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Phạm Phú T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 03/11/2012 và Phạm Phú Q, sinh ngày 01/11/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Phú T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 xác định không có; ông T không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Phạm Phú T. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”. Bị đơn ông Phạm Phú T có hộ khẩu thường trú tại F Cổ Mân M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Ông Phạm Phú T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Phú T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, theo Giấy đăng ký kết hôn số 73 ngày 01 tháng 6 năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không quan tâm nhau, hai người đã ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N xác định không còn tình cảm với ông T nữa và đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn. Ông Phạm Phú T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Điều này chứng tỏ ông không có nguyện vọng cứu vãn cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phạm Phú T.

[4] Về con chung: Bà N1 xác nhận vợ chồng là 02 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 03/11/2012 và Phạm Phú Q, sinh ngày 01/11/2014. Ly hôn, nguyện

vọng của bà N1 là trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu nuôi con của bà N1 thì thấy: Các con chung hiện đang sinh sống với bà N1, ông T không có ý phản hồi về việc yêu cầu nuôi con, đồng thời nguyện vọng của các con chung cũng xin được ở với mẹ nên có căn cứ để chấp nhận giao con chung Phạm Phương L và Phạm Phú Q cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến

[5] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với ông Phạm Phú T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Phú T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Phương L, sinh ngày 03/11/2012 và Phạm Phú Q, sinh ngày 01/11/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông Phạm Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét đến.

4 . Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001869 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Khuê Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn N2